ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH NINH BÌNH	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: 98 /2026/QĐ-UBND	*Ninh Bình, ngày 07 tháng 8 năm 2026*

QUYẾT ĐỊNH
Ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của thôn, tổ dân phố trên địa bàn tỉnh Ninh Bình

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 64/2025/QH15 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 87/2025/QH15;

Căn cứ Luật Thực hiện dân chủ ở cơ sở số 10/2022/QH15 đã được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 47/2024/QH15 và Luật số 97/2025/QH15;

Căn cứ Nghị định số 78/2025/NĐ-CP quy định chi tiết một số điều và biện pháp để tổ chức, hướng dẫn thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 187/2025/NĐ-CP;

Căn cứ Nghị định số 59/2023/NĐ-CP quy định chi tiết một số điều của Luật Thực hiện dân chủ ở cơ sở;

Căn cứ Nghị định 61/2023/NĐ-CP về xây dựng và thực hiện hương ước, quy ước của cộng đồng dân cư;

Căn cứ Nghị định số 185/2026/NĐ-CP quy định về tổ chức, hoạt động của thôn, tổ dân phố và chế độ, chính sách đối với người hoạt động không chuyên trách ở thôn, tổ dân phố;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Nội vụ tại Tờ trình số 968/TTr-SNV ngày 05 tháng 8 năm 2026.

Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Quyết định ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của thôn, tổ dân phố trên địa bàn tỉnh Ninh Bình.

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy chế tổ chức và hoạt động của thôn, tổ dân phố trên địa bàn tỉnh Ninh Bình.

Điều 2. Hiệu lực thi hành

1. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 10 tháng 8 năm 2026.

2. Các Quyết định sau đây hết hiệu lực thi hành kể từ ngày Quyết định này có hiệu lực thi hành:

a) Quyết định số 36/2019/QĐ-UBND ngày 10/10/2019 của Ủy ban nhân dân tỉnh Ninh Bình ban hành Quy chế về tổ chức và hoạt động của thôn, tổ dân phố thuộc các xã, phường, thị trấn trên địa bàn tỉnh Ninh Bình.

b) Quyết định số 63/2022/QĐ-UBND ngày 26/12/2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh Hà Nam về việc ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của thôn, tổ dân phố trên địa bàn tỉnh Hà Nam.

c) Quyết định số 10/2020/QĐ-UBND ngày 09/4/2020 của Ủy ban nhân dân tỉnh Nam Định về việc ban hành Quy chế tổ chức, hoạt động và phân loại thôn (xóm), tổ dân phố trên địa bàn tỉnh Nam Định.

d) Quyết định số 01/2023/QĐ-UBND ngày 18/01/2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh Nam Định sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy chế tổ chức, hoạt động và phân loại thôn (xóm), tổ dân phố trên địa bàn tỉnh Nam Định, ban hành kèm theo Quyết định số 10/2020/QĐ-UBND ngày 09/4/2020 của Ủy ban nhân dân tỉnh Nam Định.

Điều 3. Tổ chức thực hiện

Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc Sở Nội vụ, Thủ trưởng các sở, ban, ngành; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các xã, phường và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./

Nơi nhận:
- Như Điều 3;
- Chính phủ;
- Văn phòng Chính phủ;
- Vụ Pháp chế - Bộ Nội vụ;
- Cục KTVB và Tổ chức THPL - Bộ Tư pháp;
- Thường trực Tỉnh uỷ;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- Thường trực Đảng ủy UBND tỉnh;
- Chủ tịch, các Phó Chủ tịch UBND tỉnh;
- Ban Thường trực Ủy ban MTTQ Việt Nam tỉnh;
- Văn phòng Đoàn ĐBQH và HĐND tỉnh;
- TT Đảng ủy, TT HĐND các xã, phường;
- Báo và Phát thanh, Truyền hình Ninh Bình;
- Trung tâm Thông tin - Công báo;
- Lưu: VT, VP2, VP7.

Hue_VP7

TM. UỶ BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH NINH BÌNH

Nguyễn Anh Chức

ỦY BAN NHÂN DÂN **TỈNH NINH BÌNH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

QUY CHẾ
Tổ chức và hoạt động của thôn, tổ dân phố trên địa bàn tỉnh Ninh Bình

(Ban hành kèm theo Quyết định số 98 /2026/QĐ-UBND)

Chương I
QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh

Quy chế này quy định về tổ chức và hoạt động của thôn, bản (sau đây gọi chung là thôn), tổ dân phố trên địa bàn tỉnh Ninh Bình.

2. Đối tượng áp dụng

a) Thôn, tổ dân phố.

b) Người hoạt động không chuyên trách ở thôn, tổ dân phố.

c) Người tham gia hoạt động ở thôn, tổ dân phố.

d) Các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan.

Điều 2. Thôn, tổ dân phố

1. Thôn, tổ dân phố là tổ chức tự quản của cộng đồng dân cư có chung địa bàn cư trú trong một khu vực thuộc phạm vi một đơn vị hành chính ở xã, phường (sau đây gọi chung là cấp xã); nơi thực hiện dân chủ trực tiếp và rộng rãi để phát huy các hình thức hoạt động tự quản của thôn, tổ dân phố, tổ chức Nhân dân thực hiện chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước và nhiệm vụ cấp trên giao.

2. Thôn, tổ dân phố được tổ chức tại cấp xã; Thôn được tổ chức ở xã; Tổ dân phố được tổ chức ở phường.

Điều 3. Nguyên tắc tổ chức và hoạt động của thôn, tổ dân phố

Nguyên tắc tổ chức và hoạt động của thôn, tổ dân phố thực hiện theo quy định tại Điều 3 Nghị định số 185/2026/NĐ-CP.

Chương II
TỔ CHỨC VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA THÔN, TỔ DÂN PHỐ

Điều 4. Tổ chức của thôn, tổ dân phố

Thôn có Trưởng thôn; tổ dân phố có Tổ trưởng tổ dân phố là người hoạt động không chuyên trách ở thôn, tổ dân phố.

Ngoài chức danh Trưởng thôn, Tổ trưởng tổ dân phố, căn cứ yêu cầu nhiệm vụ, đặc điểm địa bàn và khả năng cân đối của ngân sách địa phương, việc bố trí số lượng, chức danh người tham gia hoạt động ở thôn, tổ dân phố *(không bao gồm các chức danh khác ở cơ sở theo quy định của pháp luật chuyên ngành có liên quan)* để hỗ trợ Trưởng thôn, Tổ trưởng tổ dân phố hoặc thực hiện các hoạt động tự quản của thôn, tổ dân phố được thực hiện theo quy định của Hội đồng nhân dân tỉnh và các văn bản pháp luật có liên quan.

Điều 5. Nội dung hoạt động của thôn, tổ dân phố

Nội dung hoạt động của thôn, tổ dân phố thực hiện theo quy định tại Điều 5 Nghị định số 185/2026/NĐ-CP.

Điều 6. Tổ chức cuộc họp của thôn, tổ dân phố để Nhân dân bàn và quyết định

Tổ chức cuộc họp của thôn, tổ dân phố để Nhân dân bàn và quyết định thực hiện theo quy định tại Điều 3 Nghị định số 59/2023/NĐ-CP.

Điều 7. Tổ chức phát phiếu lấy ý kiến của hộ gia đình để Nhân dân bàn và quyết định

Tổ chức phát phiếu lấy ý kiến của hộ gia đình để Nhân dân bàn và quyết định thực hiện theo quy định tại Điều 4 Nghị định số 59/2023/NĐ-CP.

Điều 8. Biểu quyết trực tuyến tại thôn, tổ dân phố để Nhân dân bàn và quyết định

Biểu quyết trực tuyến tại thôn, tổ dân phố để Nhân dân bàn và quyết định thực hiện theo quy định tại Điều 5 Nghị định số 59/2023/NĐ-CP.

Điều 9. Công tác chuẩn bị tổ chức hội nghị định kỳ

1. Trưởng thôn, Tổ trưởng tổ dân phố chủ trì, phối hợp với Ban Công tác Mặt trận ở thôn, tổ dân phố xây dựng Kế hoạch tổ chức hội nghị định kỳ của thôn, tổ dân phố.

2. Nội dung Kế hoạch tổ chức hội nghị định kỳ của thôn, tổ dân phố gồm: Thời gian, địa điểm, nội dung hội nghị và tổ chức thực hiện.

3. Trưởng thôn, Tổ trưởng tổ dân phố, Trưởng Ban Công tác Mặt trận ở thôn, tổ dân phố, Trưởng ban Thanh tra nhân dân ở xã, phường trực tiếp hoặc phân công thành viên chuẩn bị báo cáo trình bày tại Hội nghị.

4. Kế hoạch tổ chức hội nghị định kỳ của thôn, tổ dân phố được gửi tới Ủy ban nhân dân cấp xã, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cấp xã và Ban Thanh tra nhân dân ở phường, xã để báo cáo, thống nhất trước khi thực hiện.

Điều 10. Trình tự tổ chức hội nghị định kỳ

Trình tự tổ chức hội nghị định kỳ của thôn, tổ dân phố thực hiện theo Điều 11 Nghị định số 59/2023/NĐ-CP.

Chương III

THÀNH LẬP, SẮP XẾP, TỔ CHỨC LẠI, GIẢI THỂ, ĐẶT TÊN, ĐỔI TÊN THÔN, TỔ DÂN PHỐ

Điều 11. Nguyên tắc thành lập, sắp xếp, tổ chức lại, giải thể, đặt tên, đổi tên thôn, tổ dân phố

1. Tuân thủ quy định của pháp luật; bảo đảm dân chủ, công khai, minh bạch; kế thừa và phát huy các giá trị lịch sử, văn hóa, phong tục, tập quán tốt đẹp; phù hợp với điều kiện tự nhiên, đặc điểm địa bàn, quy mô dân cư và điều kiện kinh tế - xã hội của địa phương; bảo đảm các điều kiện thiết yếu phục vụ tổ chức và hoạt động của thôn, tổ dân phố; không làm gián đoạn việc quản lý địa bàn, tiếp nhận, giải quyết thủ tục hành chính và thực hiện chính sách liên quan trực tiếp đến quyền, lợi ích hợp pháp của Nhân dân trong quá trình thành lập, sắp xếp, tổ chức lại, giải thể thôn, tổ dân phố.

2. Việc thành lập, sắp xếp, tổ chức lại thôn, tổ dân phố phải phù hợp với đặc điểm, điều kiện tự nhiên, trình độ phát triển kinh tế - xã hội, đặc điểm văn hóa, truyền thống, điều kiện đặc thù của đơn vị hành chính cấp xã sau sắp xếp và mô hình tổ chức chính quyền địa phương 02 cấp.

3. Thực hiện sắp xếp, tổ chức lại đối với các thôn, tổ dân phố chưa bảo đảm tiêu chí theo quy định của pháp luật hoặc theo yêu cầu quản lý, phát triển kinh tế - xã hội, đô thị hóa, phân bố dân cư và yêu cầu tổ chức hoạt động của thôn, tổ dân phố.

Việc sắp xếp, tổ chức lại thôn, tổ dân phố phải xem xét kỹ các yếu tố về vị trí địa lý, địa hình, phong tục, tập quán, dân tộc, tôn giáo, đặc điểm dân cư, trình độ phát triển kinh tế - xã hội và nguyện vọng của Nhân dân tại địa phương; bảo đảm thực hiện tốt công tác quân sự, quốc phòng, giữ vững ổn định chính trị, trật tự, an toàn xã hội, tạo sự đồng thuận trong Nhân dân, thuận lợi cho đời sống, sinh hoạt của người dân và nâng cao hiệu quả quản lý, phục vụ Nhân dân của chính quyền cơ sở.

4. Việc giải thể thôn, tổ dân phố được thực hiện trong trường hợp cần thiết do thay đổi các yếu tố địa lý, địa hình, do sắp xếp, tổ chức lại thôn, tổ dân phố hoặc do thực hiện phương án bồi thường, tái định cư.

5. Việc xác định loại hình thôn, tổ dân phố và đặt tên thôn, tổ dân phố được thực hiện đồng thời trong quy trình thành lập, sắp xếp, tổ chức lại thôn, tổ dân phố.

6. Việc đặt tên thôn, tổ dân phố phải bảo đảm ngắn gọn, dễ nhớ, dễ viết, dễ phát âm, mang ý nghĩa lịch sử, văn hóa, truyền thống tốt đẹp; thể hiện được bản sắc, truyền thống địa phương. Ưu tiên kế thừa tên gọi hiện có hoặc tên gọi phù hợp với thực tiễn địa bàn; trường hợp cần thiết có thể sử dụng số thứ tự để đặt tên.

7. Việc đổi tên thôn, tổ dân phố được thực hiện trong trường hợp trùng tên thôn, tổ dân phố trong cùng một đơn vị hành chính cấp xã hoặc theo nguyện vọng của Nhân dân ở thôn, tổ dân phố.

Điều 12. Thẩm quyền thành lập, sắp xếp, tổ chức lại, giải thể, đặt tên, đổi tên thôn, tổ dân phố; ghép cụm dân cư vào thôn, tổ dân phố hiện có

Hội đồng nhân dân cấp xã quyết định thành lập, sắp xếp, tổ chức lại, giải thể, đặt tên, đổi tên thôn, tổ dân phố trên địa bàn; quyết định ghép cụm dân cư vào thôn, tổ dân phố hiện có theo quy định của Luật Thực hiện dân chủ ở cơ sở, các văn bản quy định, hướng dẫn của Chính phủ, bộ, ngành Trung ương và theo quy định tại Quy chế này.

Điều 13. Tiêu chuẩn của thôn, tổ dân phố

1. Quy mô số hộ gia đình:

a) Thôn phải có từ 400 hộ gia đình trở lên;

b) Tổ dân phố phải có từ 550 hộ gia đình trở lên.

2. Đối với thôn, tổ dân phố thuộc địa bàn miền núi, xã thuộc vùng đồng bào dân tộc thiểu số, thôn đặc biệt khó khăn, thôn ở địa bàn có địa hình chia cắt phức tạp (bao quanh bởi núi đá vôi, địa hình trải dài theo đê, vị trí ở khu vực biệt lập,...), giao thông đi lại khó khăn, dân cư sinh sống phân tán; thôn, tổ dân phố ở địa bàn biên giới hoặc thuộc khu vực quy hoạch giải phóng mặt bằng, di dân, tái định cư; thôn, tổ dân phố nằm biệt lập trên sông thì quy mô số hộ gia đình có thể thấp hơn tiêu chuẩn nêu trên.

Ủy ban nhân dân cấp xã phải lập phương án, báo cáo giải trình cụ thể về sự cần thiết, điều kiện thực tế, yêu cầu quản lý, mức độ ổn định và gắn kết thôn, tổ dân phố, ý kiến Nhân dân báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh để báo cáo Ban Thường vụ Tỉnh ủy cho ý kiến trước khi trình Hội đồng nhân dân cấp xã xem xét, quyết định theo thẩm quyền, bảo đảm phù hợp với điều kiện thực tế của từng địa phương, yêu cầu quản lý địa bàn, tổ chức hoạt động của thôn, tổ dân phố, tính ổn định và gắn kết thôn, tổ dân phố, đáp ứng yêu cầu bảo đảm quốc phòng, an ninh và bảo vệ chủ quyền lãnh thổ.

3. Thôn, tổ dân phố trên địa bàn tỉnh phải có cơ sở hạ tầng kinh tế - xã hội thiết yếu, phù hợp với điều kiện thực tế của địa phương để phục vụ hoạt động thôn, tổ dân phố và bảo đảm ổn định cuộc sống của người dân.

Điều 14. Thành lập thôn, tổ dân phố trong các trường hợp đặc biệt

Thành lập thôn, tổ dân phố trong các trường hợp đặc biệt thực hiện theo quy định tại Điều 11 Nghị định số 185/2026/NĐ-CP.

Điều 15. Trình tự, thủ tục, hồ sơ thành lập, sắp xếp, tổ chức lại thôn, tổ dân phố

1. Căn cứ tiêu chí, nguyên tắc thành lập, sắp xếp, tổ chức lại thôn, tổ dân phố theo quy định của Quy chế này, Ủy ban nhân dân cấp xã xây dựng Đề án thành lập, sắp xếp, tổ chức lại thôn, tổ dân phố trình Hội đồng nhân dân cùng cấp xem xét, quyết định.

2. Ủy ban nhân dân cấp xã có trách nhiệm công khai Đề án thành lập, sắp xếp, tổ chức lại thôn, tổ dân phố và tổ chức lấy ý kiến Nhân dân bằng hình thức

phù hợp theo quy định của pháp luật về thực hiện dân chủ ở cơ sở để làm cơ sở hoàn thiện hồ sơ trình Hội đồng nhân dân cấp xã xem xét, quyết định; thời gian lấy ý kiến Nhân dân ít nhất là 20 ngày kể từ ngày công khai nội dung lấy ý kiến. Trường hợp pháp luật hoặc cơ quan nhà nước cấp trên có quy định cụ thể thời hạn lấy ý kiến Nhân dân thì thực hiện theo quy định đó.

Báo cáo tổng hợp, tiếp thu, giải trình ý kiến Nhân dân phải thể hiện rõ tổng số hộ gia đình hoặc đại diện hộ gia đình được lấy ý kiến, số lượng, tỷ lệ đồng ý, không đồng ý, ý kiến khác, nội dung tiếp thu, giải trình.

3. Hồ sơ thành lập, sắp xếp, tổ chức lại thôn, tổ dân phố gồm:

a) Tờ trình của Ủy ban nhân dân cấp xã;

b) Đề án thành lập, sắp xếp, tổ chức lại thôn, tổ dân phố, gồm các nội dung chủ yếu: sự cần thiết; hiện trạng quy mô số hộ gia đình; phương án thành lập, sắp xếp, tổ chức lại; tên gọi của thôn, tổ dân phố; điều kiện bảo đảm tổ chức và hoạt động của thôn, tổ dân phố; phương án bố trí, giải quyết đối với người hoạt động không chuyên trách; phương án bàn giao tài chính, tài sản, hồ sơ, tài liệu, nhiệm vụ đang thực hiện; phương án công khai thông tin để bảo đảm ổn định hoạt động của thôn, tổ dân phố, các nội dung khác có liên quan và không làm gián đoạn việc giải quyết công việc liên quan đến Nhân dân;

c) Báo cáo tổng hợp, tiếp thu, giải trình ý kiến của Nhân dân;

d) Dự thảo Nghị quyết của Hội đồng nhân dân cấp xã.

4. Trên cơ sở hồ sơ do Ủy ban nhân dân cấp xã trình, Hội đồng nhân dân cấp xã xem xét, ban hành Nghị quyết về việc thành lập, sắp xếp, tổ chức lại thôn, tổ dân phố tại kỳ họp gần nhất.

Điều 16. Trình tự, thủ tục, hồ sơ giải thể, đổi tên thôn, tổ dân phố; ghép cụm dân cư vào thôn, tổ dân phố hiện có

Trình tự, thủ tục, hồ sơ giải thể, đổi tên thôn, tổ dân phố; ghép cụm dân cư vào thôn, tổ dân phố hiện có thực hiện theo quy định tại Điều 13 Nghị định số 185/2026/NĐ-CP.

Chương IV

ĐIỀU KIỆN, TIÊU CHUẨN, NHIỆM VỤ, QUYỀN HẠN VÀ CHẾ ĐỘ CHÍNH SÁCH ĐỐI VỚI TRƯỞNG THÔN, TỔ TRƯỞNG TỔ DÂN PHỐ VÀ PHÓ TRƯỞNG THÔN, PHÓ TỔ TRƯỞNG TỔ DÂN PHỐ

Điều 17. Tiêu chuẩn Trưởng thôn, Tổ trưởng tổ dân phố và Phó Trưởng thôn, Phó Tổ trưởng tổ dân phố

1. Tiêu chuẩn chung của Trưởng thôn, Tổ trưởng tổ dân phố và Phó Trưởng thôn, Phó Tổ trưởng tổ dân phố thực hiện theo quy định tại Điều 7 Nghị định số 185/2026/NĐ-CP.

2. Trường hợp có nhiều người đủ tiêu chuẩn Trưởng thôn, Tổ trưởng tổ dân phố và Phó Trưởng thôn, Phó Tổ trưởng tổ dân phố theo quy định tại khoản 1 Điều

này thì ưu tiên lựa chọn, bố trí đối với Trưởng thôn, Tổ trưởng tổ dân phố, Phó Trưởng thôn, Phó Tổ trưởng tổ dân phố như sau:

Người có trình độ học vấn tốt nghiệp trung học phổ thông, trình độ chuyên môn từ trung cấp trở lên phù hợp với yêu cầu hoạt động của thôn, tổ dân phố; người có khả năng ứng dụng công nghệ thông tin phù hợp với yêu cầu nhiệm vụ, như: Soạn thảo văn bản, sử dụng phần mềm quản lý, hệ thống thông tin phục vụ hoạt động của chính quyền cấp xã và các ứng dụng điện tử liên quan.

Riêng đối với các đơn vị hành chính cấp xã thuộc khu vực miền núi, vùng có đông đồng bào dân tộc thiểu số, vùng bãi ngang ven biển có khó khăn về nhân sự, giao Ủy ban nhân dân cấp xã xem xét, quyết định nhưng phải bảo đảm có đủ uy tín, năng lực vận động nhân dân, khả năng hoàn thành tốt nhiệm vụ.

Điều 18. Nhiệm vụ, quyền hạn của Trưởng thôn, Tổ trưởng tổ dân phố

Nhiệm vụ, quyền hạn của Trưởng thôn, Tổ trưởng tổ dân phố thực hiện theo quy định tại Điều 6 Nghị định số 185/2026/NĐ-CP.

Điều 19. Nhiệm vụ, quyền hạn của Phó Trưởng thôn và Phó Tổ trưởng tổ dân phố

1. Phối hợp với những người tham gia hoạt động ở thôn, tổ dân phố hỗ trợ, giúp việc cho Trưởng thôn, Tổ trưởng tổ dân phố thực hiện tốt nhiệm vụ, quyền hạn được quy định tại Điều 18 Quy chế này.

2. Trực tiếp đảm nhiệm một số nhiệm vụ như công tác an ninh - trật tự, an toàn xã hội, công tác văn hoá - xã hội, công tác chỉ đạo sản xuất theo sự phân công của Trưởng thôn, Tổ trưởng tổ dân phố.

3. Thay mặt Trưởng thôn, Tổ trưởng tổ dân phố điều hành các hoạt động của thôn, tổ dân phố khi Trưởng thôn, Tổ trưởng tổ dân phố đi vắng, ốm đau hoặc khi được Trưởng thôn, Tổ trưởng tổ dân phố phân công.

Điều 20. Chế độ chính sách đối với Trưởng thôn, Tổ trưởng tổ dân phố và người tham gia hoạt động ở thôn, tổ dân phố

1. Trưởng thôn, Tổ trưởng tổ dân phố được hưởng phụ cấp hằng tháng; người tham gia hoạt động ở thôn, tổ dân phố được hưởng mức hỗ trợ khi trực tiếp tham gia công việc của thôn, tổ dân phố. Mức phụ cấp, mức hỗ trợ do Hội đồng nhân dân tỉnh quyết định.

2. Trưởng thôn, Tổ trưởng tổ dân phố và người tham gia hoạt động ở thôn, tổ dân phố được đào tạo, bồi dưỡng kiến thức, kỹ năng phù hợp với yêu cầu nhiệm vụ được giao; ưu tiên bồi dưỡng kỹ năng tuyên truyền, vận động Nhân dân, hòa giải ở cơ sở, tổ chức hoạt động thôn, tổ dân phố; ứng dụng công nghệ thông tin, chuyển đổi số, sử dụng nền tảng số, cập nhật dữ liệu, khai thác cơ sở dữ liệu và hỗ trợ Nhân dân tiếp cận, sử dụng dịch vụ công trực tuyến theo quy định. Khi được cử tham gia đào tạo, bồi dưỡng thì được hưởng chế độ theo quy định của pháp luật.

3. Trưởng thôn, Tổ trưởng tổ dân phố và người tham gia hoạt động ở thôn, tổ dân phố nếu hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ thì được biểu dương, khen thưởng;

nếu không hoàn thành nhiệm vụ, có vi phạm khuyết điểm, không được Nhân dân tín nhiệm hoặc vi phạm pháp luật thì tùy theo tính chất, mức độ vi phạm sẽ bị xem xét, xử lý kỷ luật hoặc truy cứu trách nhiệm hình sự theo quy định của pháp luật.

4. Trưởng thôn, tổ trưởng tổ dân phố được hưởng chế độ bảo hiểm xã hội bắt buộc, bảo hiểm y tế và các chế độ, chính sách khác theo quy định của pháp luật về bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế và quy định của pháp luật hiện hành.

5. Người hoạt động không chuyên trách ở thôn, tổ dân phố nghỉ do sắp xếp, tổ chức lại thôn, tổ dân phố được hưởng chế độ, chính sách theo quy định của Chính phủ về tinh giản biên chế.

6. Nguồn kinh phí bảo đảm thực hiện chế độ, chính sách đối với Trưởng thôn, Tổ trưởng tổ dân phố và người tham gia hoạt động ở thôn, tổ dân phố được cân đối hằng năm trong dự toán thu, chi ngân sách cấp xã theo phân cấp ngân sách và các quy định hiện hành.

7. Việc thực hiện các chế độ, chính sách đối với người hoạt động không chuyên trách và người tham gia hoạt động ở thôn, tổ dân phố trên địa bàn cấp xã do UBND cấp xã tổ chức thực hiện theo quy định của pháp luật.

8. Chế độ đối với các chức danh lâm thời: Trưởng thôn, Tổ trưởng tổ dân phố lâm thời được hưởng chế độ, chính sách như Trưởng thôn, Tổ trưởng tổ dân phố. Thời gian hưởng chế độ, chính sách đối với Trưởng thôn, Tổ trưởng tổ dân phố lâm thời được tính từ ngày quyết định của Ủy ban nhân dân cấp xã chỉ định Trưởng thôn, Tổ trưởng tổ dân phố lâm thời có hiệu lực cho đến ngày Ủy ban nhân dân cấp xã ban hành quyết định công nhận kết quả bầu Trưởng thôn, Tổ trưởng tổ dân phố mới.

Chương V

QUY TRÌNH BẦU, CHO THÔI LÀM NHIỆM VỤ TRƯỞNG THÔN, TỔ TRƯỞNG TỔ DÂN PHỐ

Điều 21. Công tác chuẩn bị bầu Trưởng thôn, Tổ trưởng tổ dân phố

Công tác chuẩn bị bầu Trưởng thôn, Tổ trưởng tổ dân phố thực hiện theo quy định tại Điều 6 Nghị định số 59/2023/NĐ-CP.

Điều 22. Tiến hành bầu Trưởng thôn, Tổ trưởng tổ dân phố

Việc tổ chức bầu Trưởng thôn, Tổ trưởng tổ dân phố tại cuộc họp của thôn, tổ dân phố thực hiện theo quy định của Luật Thực hiện dân chủ ở cơ sở, Nghị định hướng dẫn thi hành Luật Thực hiện dân chủ ở cơ sở và quy định tại Điều 6 Quy chế này.

Điều 23. Công nhận kết quả bầu cử

Công nhận kết quả bầu cử thực hiện theo quy định tại Điều 8 Nghị định số 59/2023/NĐ-CP.

Điều 24. Quy trình cho thôi làm nhiệm vụ Trưởng thôn, Tổ trưởng tổ dân phố

Quy trình cho thôi làm nhiệm vụ Trưởng thôn, Tổ trưởng tổ dân phố thực hiện theo quy định tại Điều 9 Nghị định số 59/2023/NĐ-CP.

Điều 25. Kinh phí tổ chức bầu, cho thôi làm nhiệm vụ Trưởng thôn, Tổ trưởng tổ dân phố

Kinh phí tổ chức bầu cử, cho thôi làm nhiệm vụ Trưởng thôn, Tổ trưởng tổ dân phố do ngân sách cấp xã đảm bảo.

Điều 26. Nhiệm kỳ của Trưởng thôn, Tổ trưởng tổ dân phố và thời gian giữ chức vụ của Phó Trưởng thôn, Phó Tổ trưởng tổ dân phố

1. Nhiệm kỳ của Trưởng thôn, Tổ trưởng tổ dân phố là 05 năm. Thời gian giữ chức vụ của Phó Trưởng thôn, Phó Tổ trưởng tổ dân phố theo nhiệm kỳ của Trưởng thôn, Tổ trưởng tổ dân phố.

2. Trong trường hợp cần bảo đảm thống nhất với thời điểm tổ chức lại thôn, tổ dân phố hoặc do tình huống bất khả kháng như thiên tai, dịch bệnh không thể tổ chức bầu cử đúng thời hạn, Ủy ban nhân dân cấp xã quyết định việc rút ngắn hoặc kéo dài nhiệm kỳ hoạt động của Trưởng thôn, Tổ trưởng tổ dân phố nhưng không quá 06 tháng. Trường hợp phải rút ngắn hoặc kéo dài quá 06 tháng thì Ủy ban nhân dân cấp xã báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, quyết định.

Chương VI

TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 27. Trách nhiệm của các cơ quan

1. Sở Nội vụ

Tham mưu, giúp Ủy ban nhân dân tỉnh hướng dẫn, đôn đốc, kiểm tra Ủy ban nhân dân cấp xã thực hiện Quy chế này và tổng hợp báo cáo kết quả thực hiện về Bộ Nội vụ, Ủy ban nhân dân tỉnh theo quy định.

2. Sở Tài chính

Tham mưu bảo đảm nguồn ngân sách nhà nước để thực hiện chế độ, chính sách đối với Trưởng thôn, Tổ trưởng tổ dân phố và những người tham gia hoạt động ở thôn, tổ dân phố theo phân cấp ngân sách hiện hành; hướng dẫn, kiểm tra việc quản lý, sử dụng, thanh quyết toán kinh phí theo quy định của pháp luật về nguồn ngân sách nhà nước.

3. Các sở, ban, ngành liên quan: Theo chức năng, nhiệm vụ được giao, có trách nhiệm phối hợp với Sở Nội vụ trong việc chỉ đạo, hướng dẫn, kiểm tra việc thực hiện Quy chế này.

Điều 28. Trách nhiệm của Ủy ban nhân dân cấp xã

1. Chỉ đạo quán triệt, triển khai thực hiện Quy chế này; quản lý, hướng dẫn, phân công nhiệm vụ, tổ chức đào tạo, bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ; thực hiện các chế độ, chính sách đối với người hoạt động không chuyên trách và người tham gia hoạt động ở thôn, tổ dân phố trên địa bàn cấp xã theo quy định của pháp luật và Quy chế này.

2. Tổ chức thực hiện bầu, công nhận và cho thôi làm nhiệm vụ Trưởng thôn, Tổ trưởng tổ dân phố và người tham gia hoạt động ở thôn, tổ dân phố.

3. Xây dựng hồ sơ trình Hội đồng nhân dân cùng cấp quyết định thành lập, tổ chức lại, giải thể, đặt tên, đổi tên thôn, tổ dân phố theo quy định và báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh (qua Sở Nội vụ) để theo dõi, chỉ đạo.

4. Chỉ đạo kiểm tra và tổ chức thực hiện Quy chế này trên địa bàn cấp xã; định kỳ đến ngày 15/12 hàng năm Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã báo cáo UBND tỉnh (qua Sở Nội vụ tổng hợp) về tình hình tổ chức và hoạt động của thôn, tổ dân phố và việc thực hiện Quy chế này.

Điều 29. Điều khoản thi hành

1. Tổ chức và hoạt động của thôn, tổ dân phố trên địa bàn tỉnh được thực hiện theo quy định của Luật Thực hiện dân chủ ở cơ sở, Nghị định của Chính phủ, các văn bản chỉ đạo, hướng dẫn của các bộ, ban, ngành Trung ương và Quy chế này. Trường hợp những văn bản viện dẫn trong Quy chế này được sửa đổi, bổ sung, thay thế thì thực hiện theo văn bản được sửa đổi, bổ sung, thay thế.

2. Trưởng thôn, Tổ trưởng tổ dân phố đã được bầu, công nhận và đang giữ chức danh trước thời điểm Quy chế này có hiệu lực thi hành được tiếp tục thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn theo quy định hiện hành cho đến khi hết nhiệm kỳ hoặc đến khi có Trưởng thôn, Tổ trưởng tổ dân phố mới được bầu, công nhận theo quy định của cơ quan có thẩm quyền.

3. Trong quá trình thực hiện Quy chế này, nếu có vướng mắc, đề nghị các cơ quan, đơn vị, địa phương kịp thời phản ánh về Ủy ban nhân dân tỉnh (qua Sở Nội vụ tổng hợp) để xem xét sửa đổi, bổ sung phù hợp./.